

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2025

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Ngà

Bà Phạm Thị Ngọc Dinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20a/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu A, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T1 - Cục C- Bộ C1).

(Chị L có mặt, anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 01 năm 2011 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống của vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất, không cùng quan điểm từ cách sống, sinh hoạt, quan điểm nuôi dạy con, dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung. Đến thời điểm hiện nay, vợ

chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, bản thân anh B liên tục phạm tội phải đi chấp hành án từ năm 2013 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn B để tôi có cuộc sống ổn định thoải mái làm ăn.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/8/2011 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 21/10/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với tôi. Sau ly hôn tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi hai cháu trưởng thành và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung và công nợ và công sức đóng góp: Tôi không yêu cầu Tòa án giải gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2025 anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 19 tháng 01 năm 2011 tại UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì đến cuối năm 2013 anh phạm tội và bị xử phạt 09 năm tù, đến năm 2022 ra tù về được 07 tháng sau anh lại vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án 08 năm 02 tháng cho đến nay. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam T1 - Cục C - Bộ C1. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh và chị L không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai chung cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/08/2011 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 21/10/2013. Nếu ly hôn đặt ra anh đề nghị căn cứ vào ý kiến của các cháu ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/08/2011 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh

ngày 21/10/2013. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn B, có nơi cư trú tại khu A, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B đến Tòa án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, chị L đều có mặt, còn anh B vắng mặt do anh B đang phải chấp hành án tại trại giam T1 - Cục C- Bộ C1. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 01 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng chị L cho rằng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, bản thân anh B liên tục phạm tội và phải đi chấp hành án từ năm 2013 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên chị kiên quyết xin được ly hôn để giải thoát cho bản thân. Quá trình giải quyết vụ án anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy chị L và anh B không còn chung sống cùng nhau thời một gian dài, bản thân anh B liên tục phạm tội và phải đi chấp hành án từ năm 2013 đến năm 2022 chấp hành án xong, được 07 tháng sau lại tiếp tục phạm tội và phải đi chấp hành án tiếp 08 năm 02 tháng tù, điều đó chứng tỏ anh B không còn quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên phạm tội do đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa

cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh B đều xác định vợ chồng có hai con chung cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/08/2011 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 21/10/2013, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L, nguyện vọng cả hai cháu xin được ở với mẹ. Ly hôn chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh B đang phải chấp hành án không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, để đảm bảo cho việc học tập và phát triển của các cháu, nên cần giao cả hai cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:

Chị L và anh B đều không đề nghị tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/08/2011 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 21/10/2013, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:

HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003134 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. (Xác nhận chị L đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã V;
- Lưu HS - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Thủy